

Bản án số: 346/2024/HS-PT
Ngày: 31-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Ngọc Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 209/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: (Bị cáo kháng cáo đã có đơn rút kháng cáo)

Trần Thị N, sinh ngày 12/6/1995, tại D, Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971; chồng Nguyễn Như T1, sinh năm 1991; bị cáo có 3 con; lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm T2 – Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số A N, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, huyện S, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng có kháng cáo:* Ông Hoàng L, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1986; nơi cư trú: 20 V, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q nhận được đơn tố giác tội phạm của bà Nguyễn Thị H tố cáo Trần Thị N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà với số tiền 930.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được như sau:

Vào đầu năm 2021, Trần Thị N có vay tiền của ông Hà Thái Huy D (*sinh ngày 23/8/1984, trú tại A N, quận H, tp Đà Nẵng*) và một số người quen để tham gia chơi Bitcon và đầu tư bất động sản, N đầu tư liên tục bị thua lỗ nên nhiều lần vay tiền của ông D và những người khác để duy trì đầu tư Bitcon, đồng thời trả tiền lãi để duy trì các khoản nợ khác. Đến tháng 11/2021, tổng số tiền N vay nợ là 1.700.000.000 đồng, để có tiền trả nợ, vào chiều ngày 19/11/2021 Trần Thị N gọi điện cho bà Nguyễn Thị H đưa ra thông tin gian dối là N đang góp vốn với một người bạn tên là H1 (*do N nghĩ ra*) để mua ngôi nhà tại thành phố H, nhưng hiện nay giấy tờ đất đang thế chấp tại Ngân hàng với số tiền 3.300.000.000 đồng, chưa đủ tiền để lấy giấy tờ đất ra và thuyết phục bà H cùng góp vốn đầu tư. N hẹn 01 đến 02 ngày sau khi lấy được giấy tờ đất sẽ bán và chia lại cho bà H số tiền 1.100.000.000 đồng tính cả gốc và lợi nhuận. Sau nhiều lần thuyết phục, bà H tin tưởng đồng ý góp vốn số tiền 930.000.000 đồng. Ngày 19/11/2021, bà H chuyển số tiền trên vào tài khoản 0826333335 Ngân hàng A của bà Trần Thị N. Đến ngày 23/11/2021, bà H gọi điện liên lạc với N để đòi tiền thì N nói có đi chuyển tiền cho bà H tại Ngân hàng A nhưng hệ thống Ngân hàng bị lỗi chưa chuyển được. Bà H yêu cầu N đem tiền đến Ngân hàng A1 để chuyển, N đồng ý, ngày 25/11/2021, bà H tiếp tục yêu cầu N chuyển tiền thì N nói dối đã nhờ người tên H1 chuyển tiền cho bà H nhưng trên đường vợ chồng H1 đi xe máy vào T để chuyển tiền đã bị tai nạn giao thông chết. Sau đó, N đưa nhiều lý do để trốn tránh việc trả nợ cho bà H. Khoảng một tháng sau, N đã viết cam kết đến ngày 10/01/2022 sẽ hoàn trả lại tiền cho bà H, nhưng đến hạn N vẫn không thực hiện theo những gì đã cam kết. Trước đó, ngay sau khi nhận được tiền của bà H chuyển vào tài khoản của N số tiền 930.000.000 đồng thì trong các ngày 19/11/2021 và 20/11/2021, N đã chuyển khoản trả nợ cho những người như sau:

+ Vào ngày 19/11/2023, N chuyển đến số tài khoản 19030571206029 của Hà Thái Huy D 03 lần với tổng số tiền 607.200.000 đồng; chuyển đến số tài khoản 050061695432 của ông Hoàng L số tiền 150.500.000 đồng; chuyển đến số tài khoản 16131467 của Trần Quang H2 số tiền 4.500.000 đồng.

+ Vào ngày 20/11/2023, N chuyển vào số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ T3 (sinh năm 1982, HKTT: tổ dân phố H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) số tiền 100.000.000 đồng, sau đó N mượn của người khác một khoản tiền rồi chuyển tiếp số tiền còn lại cho bà T3 tổng 100.000.000 đồng.

- Qua làm việc với Trần Thị N và những người liên quan xác định: Đối với số tiền N chuyển cho ông D, do N vay và nợ tiền của ông D nên N chuyển tiền để trả bớt một phần khoản nợ của ông D. Ngoài ra vào ngày 19/11/2021, N có mượn tiền của người quen và trả tiền mặt cho ông D số tiền 93.000.000 đồng nên trước đây N khai trả cho ông D 700.000.000 đồng nhưng nhớ chưa đúng về số tiền chuyển khoản là bao nhiêu.

+ Đối với số tiền N chuyển cho ông Hoàng L, theo N khai N mượn tiền của Nguyễn Thanh S1 nhưng S1 không có tiền mặt, S1 đã đem vàng đến thế chấp cho ông L nhờ ông L chuyển tiền cho N mượn. Sau khi chiếm đoạt tiền của bà H, N đã chuyển trả số tiền đã mượn vào số tài khoản của ông L. Qua xác minh, không rõ ông S1 cư trú tại đâu nên Cơ quan điều tra không thể làm việc với ông S1. Còn ông L khai không biết ai tên Nguyễn Thanh S1, do làm ăn buôn bán khách hàng chuyển tiền thanh toán việc mua hàng, nên giờ ông L không xác định được. Tuy nhiên, theo quá trình điều tra chỉ thể hiện ông L nhận tiền từ N, còn việc mua bán giao dịch số tiền với ai ông L không cung cấp chứng từ chứng minh.

+ Đối với số tiền N chuyển cho Trần Quang H2: N có mượn của H2 100.000.000 đồng nên khi chiếm đoạt tiền của bà H, N đã chuyển trả trước cho H2 4.500.000 đồng. Sau đó vài ngày, N có gặp H2 và trả đủ số tiền còn lại. Do trước đây, N nhớ không chính xác thời gian trả tiền cho H2 nên N khai đã trả cho H2 100.000.000 đồng từ tiền chiếm đoạt của bà H.

+ Đối với số tiền N chuyển cho bà T3: trước vài ngày khi chiếm đoạt tiền của bà H. Nhon có liên hệ Nguyễn Thanh S1 để mượn tiền, S1 có nhờ bà T3 chuyển cho N mượn 300.000.000 đồng nên sau khi chiếm đoạt tiền của bà H, N đã chuyển trả tiền cho bà T3 số tiền 100.000.000 đồng, sau đó N mượn thêm tiền của người khác rồi chuyển tiếp cho bà T3 100.000.000 đồng. Qua xác minh, bà T3 đã bán nhà đi khỏi địa phương nên không thể làm việc.

Tại Bản kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/07/2022 xác định: Chữ viết, chữ ký trên tờ giấy cam kết trả nợ (*trừ chữ viết, chữ ký tại mục “Người cho vay tiền”, “Người làm chứng”*) là do Trần Thị N viết, ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N 09 (Chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/8/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2024, ông Hoàng L kháng cáo không đồng ý về phần các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Hoàng L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông Hoàng L: Buổi sáng ông chuyển tiền cho bị báo theo lời nhờ của ông Nguyễn Thanh S1, buổi chiều thì bị cáo N chuyển trả lại nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không tuyên buộc ông phải trả lại số tiền 150.000.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Trần Thị N: Bị cáo xác định số tiền chuyển cho ông L là từ số tiền chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của Luật sư Phạm T2: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại 20.000.000 đồng và nộp tiền án phí là 2.340.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo N.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị H: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Ông Hoàng Long kháng cáo còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: Bị cáo kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo nên không xem xét. Đối với kháng cáo của ông L không có căn cứ chấp nhận vì số tiền mà bị cáo N chuyển cho ông L là từ nguồn tiền chiếm đoạt của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Trần Thị N1 kháng cáo nhưng có Đơn xin rút kháng cáo trước khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo.

[2] Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 19/11/2021, bị cáo N1 đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối ngay từ ban đầu, đưa ra thông tin không đúng sự thật thông qua hình thức góp vốn mua nhà để bị hại H tin tưởng giao tài sản (là tiền) cho bị cáo N1 nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 930.000.000 đồng. Thực tế bị cáo N1 không sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được vào mục đích mua nhà mà bị cáo sử dụng số tiền này chuyển trả cho những người khác, cụ thể: chuyển trả cho ông Hà Thái Huy D số tiền 607.200.000 đồng; chuyển trả ông Hoàng L số tiền 150.500.000 đồng; chuyển trả cho Trần Quang H2 số tiền 4.500.000 đồng và

chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T3 số tiền 167.800.000 đồng. Với hành vi và số tiền chiếm đoạt của bị cáo N1 nêu trên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo N1 09 năm tù là có căn cứ. Bị cáo N1 kháng cáo bản án nhưng đã có đơn xin rút kháng cáo trước khi thụ lý vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với kháng cáo của ông Hoàng L về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng phần liên quan đến ông. Xét thấy bị cáo N1 sau khi chiếm đoạt của bị hại H số tiền số tiền 930.000.000 đồng, bị cáo N1 đã chuyển cho nhiều người, trong ngày 19/11/2021 chuyển trả cho ông Hoàng L số tiền 150.500.000 đồng; đây là tiền do bị cáo N1 phạm tội mà có và là tiền hợp pháp của bị hại H. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo N1 cũng khẳng định số tiền mà bị cáo chuyển trả cho những người đã vay mượn trước đó, gồm: ông D, ông H2, bà T3 và ông L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc ông Hoàng L và một số người khác phải có trách nhiệm trả lại cho bị hại H số tiền đã nhận của bị cáo N1 là có căn cứ.

[4] Đối với số tiền bị cáo N1 vay mượn và giao dịch với ông Hoàng L thì đây là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án này, trường hợp ông L có đủ căn cứ và chứng từ vay mượn thì có thể khởi kiện bị cáo N1 để đòi lại bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Từ những phân tích và nhận định, Hội đồng xét thấy ông Hoàng L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm căn cứ xem xét làm thay đổi nội dung quyết định của bản án sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

Truy thu số tiền 150.500.000đ (*Một trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Hoàng L để trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; ông Hoàng L phải chịu 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam (03);
- Công an tỉnh Quảng Nam (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- TTG Công an tỉnh Quảng Nam (02);
- Bị cáo (TTG tổng đạt);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông